

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Văn Tĩnh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Chu Minh Hoàng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Hồng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đồ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Kim Hiến	Phó Tổng Giám đốc (Tạm dừng hợp đồng lao động ngày 29/08/2018)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2019



Số: 059 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 03 năm 2019 từ trang 04 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

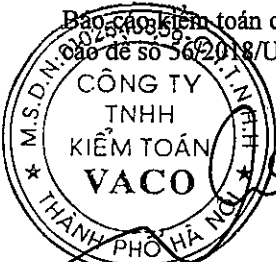
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo số 56/2018/UHY-BCKT phát hành ngày 08/03/2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		706.322.918.614	703.588.800.491
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	92.094.759.884	23.419.210.144
1. Tiền	111		18.094.759.884	23.419.210.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		495.000.000.000	590.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	495.000.000.000	590.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.825.091.382	77.910.191.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	77.420.619.054	56.304.249.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.414.730.600	13.687.208.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.950.072.821	8.796.213.119
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.960.331.093)	(877.479.202)
IV. Hàng tồn kho	140	9	9.710.538.056	8.671.596.837
1. Hàng tồn kho	141		9.710.538.056	8.671.596.837
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.692.529.292	3.587.802.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.268.599.787	1.937.760.142
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.269.461.877	1.643.441.872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.154.467.628	6.599.999
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		461.489.511.179	393.900.742.416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		293.986.000	320.986.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	293.986.000	320.986.000
II. Tài sản cố định	220		288.726.349.645	207.817.884.266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	288.152.497.503	207.272.126.845
- Nguyên giá	222		1.188.967.499.988	1.027.534.801.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(900.815.002.485)	(820.262.674.949)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	573.852.142	545.757.421
- Nguyên giá	228		5.497.754.700	5.123.554.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.923.902.558)	(4.577.797.279)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		665.336.363	13.182.346.859
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	665.336.363	13.182.346.859
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	142.352.013.800	142.352.013.800
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		142.352.013.800	142.352.013.800
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.451.825.371	30.227.511.491
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	29.451.825.371	30.227.511.491
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.167.812.429.793	1.097.489.542.907

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		101.797.532.256	119.715.983.452
I. Nợ ngắn hạn	310		101.797.532.256	119.715.983.452
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	15.150.593.016	19.284.131.161
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.890.985	196.495.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.111.386.861	7.649.064.990
4. Phải trả người lao động	314		34.070.880.395	25.007.213.164
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	85.311.213
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.250.129.520	3.461.952.980
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	25.096.353.137
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	39.000.000.000	35.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.173.651.479	3.935.461.087
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.066.014.897.537	977.773.559.455
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.066.014.897.537	977.773.559.455
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		142.352.013.800	142.352.013.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		285.921.545.655	207.982.196.884
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		237.741.338.082	227.439.348.771
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.000.000.000	20.000.000.000
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		187.741.338.082	207.439.348.771
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.167.812.429.793	1.097.489.542.907



Cao Văn Tĩnh
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2019

Đoàn Minh Trung
 Kế toán trưởng

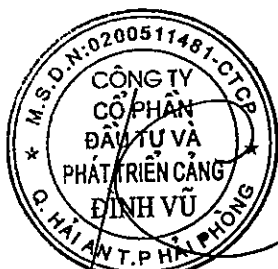
Lê Thị Hải Thành
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		638.724.759.216	626.664.374.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	638.724.759.216	626.664.374.195
4. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	22	321.584.286.531	316.926.250.642
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		317.140.472.685	309.738.123.553
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	68.271.810.592	62.921.578.609
7. Chi phí tài chính	22		888.278.154	1.880.204.028
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		410.824.902	1.502.884.535
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	68.147.243.210	55.215.253.201
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		316.376.761.913	315.564.244.933
10. Thu nhập khác	31		668.435.401	834.999.942
11. Chi phí khác	32		8.578.903	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		659.856.498	834.999.942
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		317.036.618.411	316.399.244.875
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	29.295.280.329	28.959.896.104
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		287.741.338.082	287.439.348.771
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	7.194	6.711

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2019

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởngLê Thị Hải Thành
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	647.879.342.268	652.239.735.241
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(170.435.010.955)	(172.934.136.696)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(124.564.659.934)	(114.272.032.862)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(444.327.957)	(1.546.193.693)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(37.129.369.123)	(55.809.683.767)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.751.936.523	2.786.933.268
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(39.077.165.058)	(39.315.428.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	277.980.745.764	271.149.192.612
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(165.149.265.300)	(29.387.608.003)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.060.000.000.000)	(840.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.155.000.000.000	750.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	65.423.606.357	59.122.959.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.725.658.943)	(60.264.648.720)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.391.439.137)	(35.737.528.760)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(179.188.230.700)	(178.863.116.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(204.579.669.837)	(214.600.645.210)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	68.675.416.984	(3.716.101.318)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.419.210.144	27.132.690.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	132.756	2.620.468
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	92.094.759.884	23.419.210.144



Cao Văn Tĩnh
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2019

Đoàn Minh Trung
 Kế toán trưởng

Lê Thị Hải Thành
 Người lập